TÒA ÁN NDTPTHÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày 20/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Hoàng Thúy Kiên;**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Quảng Thái;**
Ông Lê Văn Ninh;
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Thu Trang -** Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị B Nguyên-** *Kiểm sát viên;*

Hôm nay, ngày 20/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/TLST-HS ngày 20/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/05/1999, tại tỉnh Thái Nguyên (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Yên Thủy 2, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ (Đảng, Chính quyền; Đoàn thể) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 và bà Chu Thị T, sinh năm 1976; Chồng là Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1998 - đã ly hôn (chưa có con); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất;

Tiền án*:** Tại Bản án số 35/2019/HSST ngày 29/05/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 67/2019/HSST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội ***"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*** (bản án này được tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của bản án số 35/2019/HSST ngày 29/05/2019 nói trên, hình phạt chung là 30 tháng tù);

Hiện bị cáo đang đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Cục C10- Bộ Công an (*có mặt)*;

+ *Bị hại:* **Anh Dương Hùng V,** sinh năm 1986;

Đăng ký HKTT và ở: Tổ dân phố An Châu 1, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn V2, sinh năm 1989;

Đăng ký HKTT và ở: Tổ dân phố Hợp Thành, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi nhận điện thoại của Nguyễn Thị H, khoảng 17 giờ 20 phút ngày 23/8/2019 anh Dương Hùng V là lái xe Taxi -thuộc hãng Taxi Thái Nguyên đến đón H tại khu Công nghiệp Điềm Thụy, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên. Theo thỏa thuận với H, anh V chở H đến Trung tâm Thương mại Vincom (TTTM Vincom) - thuộc địa phận tổ 20, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (H nói đi đòi nợ). Khoảng 18 giờ 05 phút cùng ngày anh V điều khiển xe đến đoạn đường trước cửa Phòng giao dịch Quang Trung- Ngân hàng Agri Bank- số 282 đường Lương Ngọc Quyến (cách sảnh TTTM Vincom khoảng 50 m) và đỗ xe ô tô phía bên phải đường (hướng ngã 3 Mỏ Bạch đi đảo tròn Đồng Quang). H là khách hàng quen nên lúc này H nhờ anh V giúp H nhận khoản tiền do một phụ nữ trả nợ H tại sảnh TTTM Vincom, anh V đồng ý, H ngồi trên xe ô tô chờ. Do bản thân đang cần tiền chi tiêu nên H có ý định chiếm đoạt tài sản của anh V, vì vậy ngay sau khi anh V rời khỏi xe ô tô, H quan sát thấy anh V không chú ý việc quản lý tài sản, H đã dùng tay phải tháo chiếc máy tính bảng, nhãn hiệu Huawei, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng gắn với táp lô xe (anh V sử dụng để chỉ dẫn đường...), H cầm tài sản này nhanh chóng rời khỏi xe của anh V và gọi xe 01 Taxi đang đỗ gần đó chở H đến cửa hàng mang tên Tuấn Viết tại phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công - do anh Nguyễn Văn Viết làm chủ để bán chiếc máy tính này với giá 800.000 đ (tám trăm ngàn đồng) và đã tiêu xài cá nhân hết. Anh V đến sảnh TTTM Vincom nhưng không thấy người phụ nữ đến trả tiền cho H đã quay lại thì phát hiện H không còn trên xe ô tô và bị mất chiếc máy tính bảng nói trên. Anh V gọi điện thoại cho H thì số máy báo bận, không liên hệ được nên đã trình báo Công an thành phố Sông Công sự việc trên.

Ngày 25/8/2019 anh Viết đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc máy tính mua của H và xác định khi mua tài sản này anh Viết không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có. Anh V đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản này;

Sau khi tiếp nhận tin báo tội phạm, Công an thành phố Thái Nguyên xác định ngày 30/8/2019 H đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công khởi tố bị can và bắt tạm giam để điều tra về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài* sản do H thực hiện trong tháng 7 và tháng 8/2019 (trước khi H thực hiện hành vi phạm tội bị xét xử trong vụ án này). Tại Cơ quan điều tra H hoàn toàn thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh V như đã nêu trên.

Tại bản kết luận số 297/HĐĐGTS ngày 10/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: Chiếc máy tính bảng, H chiếm đoạt của anh V trị giá là 1.000.000 đ (một triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSTPTN ngày 16 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị H về tội ***"Trộm cắp tài sản"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 - được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS);

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên; Tại Cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác định thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và tài sản bị cáo đã chiếm đoạt như lời khai của bị cáo đã thừa nhận nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"*** quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Xác định bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải)*; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do đó bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 của Điều luật này; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS;

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù và tổng hợp hình phạt với bản án trước theo quy định.

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận mà hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS), người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của BLTTHS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác. Chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội "***Trộm cắp tài sản***" quy định khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Bị cáo nhận thức rõ tài sản trên thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo tại bản Cáo trạng nêu trên là có căn cứ. Nội dung của khoản 1 Điều 173 của BLHS quy định:*"1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...*

b)Đã bị kết án về tội này ...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;..."

[3] ***Về tình tiết định khung hình phạt:*** Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo các quy định nêu trên.

[4] ***Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:***

Xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị kết án như đã nêu trên, nhưng bị cáo không coi đó là bài học để sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục lấn sâu vào con đường tội lỗi. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do đó bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 của Điều luật này. Mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

Hiện tại bị cáo đang phải chấp hành hình phạt tổng hợp là 30 tháng tù theo bản án số 67/2019/HSST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, nay bị cáo lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản bản này, do đó cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của BLHS tổng hợp hình phạt của bản án trước và bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn chấp hành hình phạt chung của 02 bản án tính từ ngày 30/8/2019 (thời gian đã chấp hành hình phạt tù của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung).

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của *BLHS bị cáo có thể bị phạt từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...hoặc tịch thu 01 phần hoặc toàn bộ tài sản*. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

***[5] Về vật chứng*:** Cơ quan điều tra đã hoàn trả cho anh V chiếc máy tính bảng- nhãn hiệu Huawei,vỏ màu vàng là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh V bị H chiếm đoạt là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 46 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS;

***[6] Về trách nhiệm dân sự*:** Anh V đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản do H chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì;

Anh Viết yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại khoản tiền 800.000 đồng anh Viết đã trả bị cáo khi mua chiếc máy tính bị cáo chiếm đoạt của anh V. Căn cứ

các quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS; Điều 584 của Bộ luật dân sự, xét thấy yêu cầu của anh Viết là có cơ sở, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả anh Viết khoản tiền này.

[7] Về án phí:Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo các quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331;332 và 333 của BLTTHS;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các quy định:

-Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 38; Điều 46 của BLHS; Điều 106; Điều 136; Điều 331; 332 và 333 của BLTTHS; Điều 584 của BLDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/ 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên bố

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: *" Trộm cắp tài sản"*

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù tại bản án số 67/2019/HSST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 39 (ba mươi chín) tháng tù;

Thời hạn phạt tù tình từ ngày 30/8/2019;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo;

***3.Về vật chứng*:** Cơ quan điều tra đã hoàn trả cho bị hại tài sản do bị cáo chiếm đoạt .

4.Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả anh Nguyễn Văn Viết 800.000 đ (tám trăm ngàn đồng) là khoản tiền do bị cáo bán tài sản do phạm tội mà có ;

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***5. Về án phí*:** Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND TPTN;*
- *TAND tỉnh TN ;*
- *Công an TPTN;*
- *THADS TPTN;*
- *Bị cáo, BH; NCQLNVLQ*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu BP HS;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Kiên

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên

Hoàng Thúy Kiên